

Bản án số: **350/2023/HSST**

Ngày: 25/7/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Quang Việt.

2. Bà Trần Thị Như Phương.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Quốc – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 803/2022/HSST ngày 19/10/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2797/2023/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 6 năm 2023 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 9394/TB-TA ngày 17/7/2023 đối với:

- Các bị cáo:

1. Họ và tên: **Bùi Hữu L**, sinh năm 1972; tại Nghệ An; thường trú: 11818 M, T, USA; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: đại học; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Hoa Kỳ; con ông Bùi Hữu P và bà Nguyễn Thủy T; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; tạm giam: 17/02/2020 “có mặt”.

2. Họ và tên: **Phan Tấn P1**, sinh năm 1982; tại Khánh Hòa; thường trú: 80 V, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn H và bà Huỳnh Thị R; có vợ và 02 con sinh năm 2014, năm 2018; tiền án, tiền sự: không; tạm giam từ ngày 17/02/2020 “có mặt”.

3. Họ và tên: **Huỳnh Thị Bích T1**, sinh năm 1984; tại Đồng Nai; thường trú: B L, Phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: kinh doanh tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Quang M và bà Nguyễn Thị L1; chưa có chồng con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 17/02/2020 đến ngày 12/6/2020 được thay thế Biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” “có mặt”.

4. Họ và tên: **Nguyễn Trung H1**, sinh năm 1987; tại Hà Nội; thường trú: Phòng 19.05 Tòa nhà A - Chung cư Đ, đường A, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Công chức Hải quan; trình độ văn hóa: đại học; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Mạnh T2 và bà Lê Thị N; có vợ và 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” “có mặt”.

5. Họ và tên: **Nguyễn Thị Kim L2**, sinh năm 1988; tại Bến Tre; thường trú: C05.11 Chung cư Bộ C4 – 83 đường số C, phường B (nay là phường A), Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Công chức Hải quan; trình độ văn hóa: đại học; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L3 và bà Hồ Thị C; có chồng và 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” “có mặt”.

- *Người định giá:* Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự cấp Thành phố. Trụ sở: A N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh “vắng mặt”.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Nguyễn Hữu C1 – sinh năm 1972.

Địa chỉ: 1 D, Phường B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh “vắng mặt”.

2/ Ông Lê Mạnh C2 – sinh năm 1990.

Địa chỉ: A3.32 L, chung cư K, đường D, Tổ G Q, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh “vắng mặt”.

3/ Ông Nguyễn Thanh H2- sinh năm 1974.

Địa chỉ: I N, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh “vắng mặt”.

- *Người bào chữa:*

+ Ông Nguyễn Văn Q, Bà Lê Thị Bích H3 – Luật sư, Công ty L5, Đoàn Luật sư Thành phố H, bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Kim L2 “có mặt”.

+ Bà Trần Thị Hồng V – Luật sư, Văn phòng LS Trần Thị Hồng V và Cộng sự, Đoàn Luật sư Thành phố H bào chữa cho, bị cáo Bùi Hữu L, bị cáo Huỳnh Thị Bích T1 và bị cáo Phan Tấn P1 “có mặt”.

+ Ông Nguyễn Minh C3 – Luật sư, Văn phòng Luật sư Nguyễn Minh C3 bào chữa cho bị cáo Phan Tấn P1 “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 01 giờ 45 phút ngày 17/02/2020, Cơ quan Cảnh sát Điều tra, Công an Thành phố H phát hiện các đối tượng: Huỳnh Bích T1, Phan Tấn P1 đang có hành vi vận chuyển 08 kiện hàng ra khỏi khu vực kiểm soát Hải quan và chuẩn bị đưa

lên xe taxi. Cùng thời điểm, Cơ quan điều tra cũng phát hiện Bùi Hữu L cũng đang vi vận chuyển 04 kiện hàng (ngghi vẫn là hàng nhập khẩu) đi phía sau nên tiến hành mời làm việc và kiểm tra toàn bộ 12 thùng hàng nêu trên. Kết quả kiểm tra phát hiện bên trong 12 kiện hàng chứa 207 máy tính laptop và 03 điện thoại di động hiệu Iphone (tất cả đều đã qua sử dụng). Tất cả hàng hóa đều không có hóa đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc, không khai báo Hải quan. Do đó, Cơ quan Cảnh sát Điều tra, Công an Thành phố H lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và tạm giữ đồ vật nêu trên để xử lý theo quy định.

Kết quả điều tra xác định: Ngày 15/02/2020, Bùi Hữu L từ Mỹ mang theo 12 kiện hàng hóa (gồm: 207 máy tính xách tay các loại và 03 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, đều là hàng hoá đã qua sử dụng) từ Mỹ về Việt Nam theo lộ trình: từ sân G, thành phố H, bang T, Mỹ đến sân bay N, thành phố T, Nhật Bản. Sau đó, chuyển tiếp chuyến bay NH833 đi ngày 16/02/2020, lúc 19 giờ 05 phút từ sân bay N, thành phố T, Nhật Bản đến sân bay T, thành phố Hồ Chí Minh. Trước khi về Việt Nam, L đã điện thoại thông báo cho Huỳnh Thị Bích T1 về việc mang hàng hóa để T1 biết và tổ chức đón, hỗ trợ vận chuyển hàng hóa ra khỏi khu vực kiểm soát Hải quan, vào lãnh thổ Việt Nam. Theo thỏa thuận với Bùi Hữu L, T1 chủ động liên hệ với Nguyễn Hữu C1 (C1 có đặt mua một số máy tính, được L vận chuyển về chung trong đợt hàng trên) và Phan Tấn P1 hẹn cùng nhau đón, giúp L đưa hàng hóa vào Việt Nam tại sân bay quốc tế T.

Khoảng 00 giờ, ngày 17/02/2020, sau khi gặp nhau tại khu vực ga quốc tế đến thuộc sân bay quốc tế T, T1, P1 vào khu vực đảo hành lý để giúp L vận chuyển hàng hóa, còn C1 đi mua nước uống ở bên ngoài. Theo đó, T1 và P1 đã liên hệ với nhân viên an ninh tên Lê Mạnh C2 và được cho phép vào khu vực hạn chế trong sân bay để đón L.

Lúc 01 giờ 45 phút, ngày 17/02/2020, khi chuyến bay NH833 hạ cánh tại sân bay quốc tế T, toàn bộ 12 kiện hàng được đưa vào hầm máy soi số 3, để ra đảo hành lý số 3. Tại đây, L cùng T1, P1 bốc dỡ 12 kiện hàng lên 03 xe đẩy hành lý, vận chuyển ra khỏi khu vực kiểm soát Hải quan để vào lãnh thổ Việt Nam theo lối đi bên hông máy soi hành lý số 5, không thực hiện khai báo Hải quan, không đưa hành lý qua máy soi. Hành vi sai phạm của các đối tượng đã bị tổ công tác Phòng Cảnh sát kinh tế phát hiện, bắt quả tang, thu giữ toàn bộ hàng hóa. Trong đó, P1 vận chuyển 04 kiện hàng từ kiện số 1 đến số D, T1 vận chuyển 04 kiện hàng từ kiện số 5 đến số H, L vận chuyển 04 kiện hàng từ kiện số 9 đến số 12.

Chứng thư giám định số 20G05GHN00292-01, ngày 12/3/2020 của Công ty TNHH G kết luận: Toàn bộ 207 chiếc máy tính xách tay và 03 chiếc điện thoại di động là hàng hoá đã qua sử dụng;

Kết luận định giá tài sản số 7900 ngày 10/12/2020 và Kết luận định giá bổ sung tài sản số 394 ngày 21/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Tổng trị giá lô hàng là 3.214.733.333đ,

trong đó: Trị giá hàng hóa vi phạm chứa trong 04 thùng nhựa từ thùng số 1 đến thùng số 4 (chứa 75 máy tính xách tay) là 1.258.200.000đ; Trị giá hàng hóa vi phạm chứa trong 04 thùng nhựa từ thùng số 5 đến thùng số 8 (chứa 73 máy tính xách tay) là 949.433.333đ; Trị giá hàng hóa vi phạm chứa trong 04 thùng nhựa từ thùng số 9 đến thùng số 12 (chứa 59 máy tính xách tay và 03 điện thoại di động) là 1.007.100.000đ. Tại công văn số 6126/HĐĐGTS-QLG ngày 09/9/2022, Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự cấp thành phố số tiền thuế GTGT của lô hàng theo Kết luận định giá tài sản số 7900/KL-HĐ ĐGTS ngày 10/12/2020 và Kết luận định giá tài sản số 394/KL-HĐ ĐGTS ngày 21/01/2021 như sau: $3.214.733.000 \text{ đồng} \times 10\% = 321.473.300 \text{ đồng}$.

Kết quả xác minh tại Chi cục Hải quan cửa khẩu sân bay quốc tế T4: Tại thời điểm các đối tượng thực hiện hành vi sai phạm, khu vực hầm máy soi số 3, thuộc ca trực của hai cán bộ Hải quan là Nguyễn Hoàng H4 và Phạm Lê Bảo U; khu vực máy soi hành lý số 5 thuộc ca trực của hai cán bộ Hải quan là Nguyễn Trung H1 và Nguyễn Thị Kim L2. Khi 12 kiện hàng hóa được đưa qua hầm máy soi số 3 để ra đảo hành lý, Hoàng H4 và U đã không có mặt tại khu vực soi chiếu, tự ý rời vị trí trực để nghỉ ngơi tại phòng nghỉ của đơn vị. Riêng Trung H1 và L2 có mặt và quan sát được việc T1, P1 đẩy 08 kiện hàng, trên 02 xe đẩy hành lý, qua lối đi bên hông máy soi số 5, nhưng không tổ chức kiểm tra theo nhiệm vụ được phân công (máy soi số E thuộc cửa đỏ, bắt buộc kiểm tra bằng hình thức soi chiếu toàn bộ hành lý, hàng hoá mang theo của hành khách nhập cảnh từ nước ngoài vào lãnh thổ Việt Nam). Phụ trách toàn bộ ca trực Hải quan vào thời điểm nêu trên là cán bộ Nguyễn Thanh H2 – Phó Đội trưởng Đội thủ tục hành lý nhập khẩu. Toàn bộ hàng hoá vi phạm đều là hàng cấm nhập khẩu, nên không thuộc diện chịu thuế, vì vậy, Cơ quan hải quan đã từ chối xác định thuế suất nhập khẩu, thuế GTGT vi phạm theo yêu cầu của Cơ quan điều tra.

- Kết quả xác minh tại Văn phòng bán vé Hãng hàng không A., L4 tại Việt Nam: Bùi Hữu L, quốc tịch Mỹ, thông tin vé: 205-2415324783, mang theo 12 kiện hành lý ký gửi, đi từ Mỹ về Việt Nam theo lộ trình như sau: Chuyến bay NH173 ngày 15/02/2020, lúc 10 giờ 15 phút từ sân bay G, thành phố H, bang T, Mỹ đến sân bay N, Thành phố T, Nhật Bản. Sau đó, tiếp chuyến bay NH833 đi ngày 16/02/2020, lúc 19 giờ 05 phút từ sân bay N, Thành phố T, Nhật Bản đến sân bay T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Kết quả xác minh tại Cảng vụ hàng không miền N - Cục H7: Căn cứ nghị định số 92/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính Phủ về Anh N1 hàng không; Thông tư 13/2019/TT-BGTVT (TT13) ngày 29/3/2019 của Bộ G1 quy định: Khu vực giao nhận hành lý cho hành khách tại ga đến quốc tế Cảng hàng không quốc tế T là khu vực hạn chế, chịu sự kiểm tra, giám sát của lực lượng kiểm soát an ninh hàng không. Người, phương tiện khi ra, vào và hoạt động tại khu vực hạn chế phải có thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không được phép ra, vào khu vực đó. Qua kiểm tra dữ liệu trên hệ thống, Cảng vụ hàng không miền N2 không cấp thẻ kiểm

soát an ninh hàng không cho Huỳnh Thị Bích T1 và Phan Tấn P1. Do đó, việc 02 đối tượng trên vào khu vực nhận hành lý cho hành khách tại ga đến quốc tế Cảng hàng không quốc tế T là không đúng quy định tại Khoản 1 Điều 32 TT13.

- Kết quả xác minh và thu giữ dữ liệu camera lưu trữ tại Chi cục Hải quan cửa khẩu sân bay quốc tế T4 và Cảng vụ hàng không miền N phù hợp với kết quả điều tra nêu trên.

- Kết quả tra cứu thông tin xuất, nhập cảnh của Bùi Hữu L: Bùi Hữu L đã làm thủ tục nhập xuất cảnh ra vào Việt Nam tổng cộng 73 lượt. Lần gần nhất, L sử dụng hộ chiếu số 643065331 nhập cảnh ngày 17/02/2020 qua cửa khẩu sân bay quốc tế T4 và bị bắt quả tang như nội dung nêu trên.

Bị can Bùi Hữu L khai: 12 kiện hành lý Cơ quan Điều tra thu giữ là của L mang theo từ sân bay B thuộc bang T, Mỹ về sân bay T Việt Nam trên chuyến bay của Hãng hàng không A1. Khoảng 01 giờ ngày 17/02/2020 máy bay đáp xuống sân bay quốc tế T. Theo liên lạc từ trước giữa L và Huỳnh Thị Bích T1, khi L xuống sân bay thì T1 sẽ đến khu vực băng chuyền hành lý nhập để cùng nhận và vận chuyển hành lý qua cổng kiểm soát hải quan vào Việt Nam. Khi gặp T1 và P1, L lấy 08 kiện hàng giao cho T1 và P1 để đưa ra trước nhưng không khai báo hải quan, còn L tiếp tục đợi nhận 04 kiện hàng còn lại để đưa ra sau. Khi Huỳnh Thị Bích T1 cùng với Phan Tấn P1 đẩy 02 xe đẩy chứa 08 kiện hàng trên ra khỏi cửa ra A1 của sân bay T thì bị phát hiện, kiểm tra và tạm giữ toàn bộ hàng hoá vi phạm, L bị tạm giữ ngay sau đó. Toàn bộ số hàng hoá vi phạm nêu trên được L thu mua tại Mỹ, hoặc nhận vận chuyển thuê cho một số cá nhân để hưởng tiền công, đóng vào 12 kiện hàng đưa về Việt Nam. Hàng hóa bị thu giữ không có hóa đơn, chứng từ, không khai báo Hải quan. L biết rõ máy tính xách tay và điện thoại di động đã qua sử dụng là mặt hàng cấm nhập khẩu vào Việt Nam nhưng vẫn cố ý nhập lậu lô hàng nêu trên nhằm hưởng lợi bất chính cho cá nhân.

Huỳnh Thị Bích T1, Phan Tấn P1 cùng thừa nhận hành vi sai phạm như nêu trên. T1 và P1 cho biết sau khi L xuống sân bay, liên lạc với T1, cả hai đã vào cổng an ninh A1 để xin an ninh hàng không vào khu vực chờ nhận hàng lý cùng với L và được đồng ý.

Nguyễn Hữu C1 khai: Khoảng 00 giờ ngày 17/02/2020, C1 cùng P1 đi xe taxi đến sân bay quốc tế T để đón Bùi Hữu L từ Mỹ về Việt Nam. Trước đó, C1 có đặt mua laptop cũ của Bùi Hữu L và Huỳnh Thị Bích T1. Cương thỏa thuận mua 15 cái laptop đã qua sử dụng được L và T1 báo giá khoảng 2.400 USD và 30 cái laptop khác chưa kiểm tra chất lượng, chưa được báo giá, khi nào giao hàng, kiểm tra chất lượng hàng hóa đảm bảo thì mới đưa tiền. Tại thời điểm T1, P1 vào nhận hàng cho L, C1 đang đi mua nước uống, không biết việc này. Sau khi T1, P1 đẩy hàng qua cổng A1 (đã ra khỏi qua khu vực kiểm sát hải quan) thì C1 giúp T1, P1 đẩy xe có thùng hàng ra đón taxi, lúc này bị Cơ quan Công an kiểm tra và tạm giữ toàn bộ lô hàng nêu trên.

Lê Mạnh C2 – nhân viên an ninh hàng không thuộc Cảng hàng không Quốc tế T5 (người đã giải quyết cho Huỳnh Thị Bích T1 và Phan Tấn P1 vào khu vực chờ nhận hành lý cho hành khách tại ga đến quốc tế), khai: Vào khoảng thời gian 01 giờ 00 phút, ngày 17/02/2020, C2 được phân công nhiệm vụ trực cổng A1 ga quốc tế đến Cảng hàng không Quốc tế T. Lúc này, cán bộ hải quan Nguyễn Trung H1 đến gặp C2 đề nghị bảo lãnh 02 khách vào khu vực hạn chế để giải quyết hành lý. Sau đó, Huỳnh Thị Bích T1 và Phan Tấn P1 đi vào cửa A1, T1 nói với C2 là vào chỗ anh H1 hải quan. Lúc đó, H1 đứng ở cửa kính tiếp giáp khu vực sảnh và khu vực kiểm soát Hải quan xác nhận đúng là người quen của H1 nên C2 tin tưởng, giải quyết cho T1, P1 vào khu vực chờ nhận hành lý của hành khách tại ga đến quốc tế đến (khu vực hạn chế) để đón người thân, hỗ trợ vận chuyển hành lý mà không bắt buộc phải đi qua cửa từ theo quy định.

Sau khi T1, P1 và L bị phát hiện và bị tạm giữ, C2 đã yêu cầu Phạm Trung H5, cán bộ an ninh hàng không, trực vị trí Cửa từ đến cửa A1, lấy thông tin trên chứng minh nhân dân của T1, P1, ghi vào sổ trực việc Nguyễn Trung H1 (cán bộ hải quan) bảo lãnh cho T1 và P1 vào khu vực hạn chế, lý do là để giải quyết hành lý. Lời khai nhận của Phạm Trung H5 – nhân viên an ninh hàng không thuộc Cảng hàng không Quốc tế T5 phù hợp với lời khai của Lê Mạnh C2.

Kết quả nhận dạng: Lê Mạnh C2 nhận dạng rõ công chức hải quan Nguyễn Trung H1 là người bảo lãnh cho Huỳnh Thị Bích T1 và Phan Tấn P1 vào khu vực chờ nhận hành lý.

Kết quả kiểm tra hình ảnh thu giữ từ camera an ninh tại khu vực cổng A1 xác định lời khai của C2 là phù hợp với diễn biến thể hiện trong dữ liệu camera. Mặt khác, dù quy định khu vực chờ hành khách hành lý ga đến quốc tế là khu vực hạn chế, nhưng nhân viên an ninh vẫn được phép giải quyết cho người nhà của thân nhân đi từ nước ngoài vào để hỗ trợ mang hành lý khi có bảo lãnh và ghi chép thông tin hành khách, thông tin người bảo lãnh vào Sổ trực. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ bản sao trang ghi chép sổ trực rạng sáng ngày 17/02/2020 của Cảng vụ hàng không có thể hiện nội dung, vào lúc 01 giờ 00 phút ngày 17/02/2020, có ghi nhận việc T1, P1 được cán bộ hải quan tên H1 bảo lãnh vào khu vực hạn chế để xử lý hàng hoá, thời gian phù hợp với khai nhận của C2, T1, P1.

- Nguyễn Trung H1 không thừa nhận nội dung khai nhận của Lê Mạnh C2 và khai: Khi thực hiện ca trực tại máy soi hành lý số 5, cùng công chức hải quan Nguyễn Thị Kim L2, vào thời điểm chuyến bay mang số hiệu NH833 từ Nhật Bản về Việt Nam hạ cánh, H1 có ra cửa A1 ga quốc tế đến của Cảng hàng không Quốc tế T gặp nhân viên an ninh hàng không Lê Mạnh C2 hỏi về việc bảo lãnh cho người thân vào khu vực hạn chế để đón người từ nước ngoài về Việt Nam, chứ không bảo lãnh cho T1 và P1 vào khu vực chờ nhận hành lý. Sau đó, H1 vào khu vực máy soi luồng đỏ số 5 để tiếp tục ca trực. Tại vị trí trực, H1 quan sát thấy T1, P1 vận chuyển 02 xe đẩy hành lý, mỗi xe có 04 kiện hàng qua lối đi bên hông khu vực máy

soi số 5, không khai báo hải quan, không cho hàng hóa qua máy soi nhưng không tiến hành kiểm tra.

- Nguyễn Thị Kim L2 khai nhận phù hợp với lời khai Nguyễn Trung H1. Nhưng L2 cho rằng L2 chỉ quan sát thấy T1 thực hiện hành vi vận chuyển xe đẩy hành lý, trên xe có 04 kiện hàng qua lối đi bên hông khu vực máy soi số 5. Tại thời điểm P1 thực hiện hành vi vận chuyển xe đẩy hành lý, trên xe có 04 kiện hàng qua lối đi bên hông khu vực máy soi số 5, L2 đi vệ sinh nên không quan sát thấy.

- Nguyễn Hoàng H4 và Phạm Lê Bảo U: là các cán bộ hải quan trực hạm máy soi thừa nhận việc sai sót khi tự ý rời vị trí trực nhưng không báo cáo chỉ huy ca trực để xử lý. Đồng thời, cả hai nghĩ rằng từ sau 00 giờ, số lượng chuyến bay quốc tế đến không nhiều, cán bộ trực tại máy soi nổi sẽ kiểm soát chặt chẽ đối với hành lý mang theo của hành khách, không để xảy ra sai sót. Cả hai chỉ định về đơn vị nghỉ ngơi một lúc rồi sẽ trở lại vị trí trực, nhưng do mệt mỏi nên đã ngủ quên.

- Nguyễn Thanh H2, Phó đội trưởng Đội thủ tục hành lý nhập cảnh, khai: H2 được phân công phụ trách chỉ huy, xử lý tình hình xảy ra tại ca trực đêm 16, rạng sáng ngày 17/02/2020. Tuy nhiên, H2 chỉ điều hành, xử lý tình huống trong trường hợp cán bộ trực báo cáo, chứ không can thiệp vào công việc của cán bộ trực, không biết việc Nguyễn Hoàng H4, Phạm Lê Bảo U bỏ vị trí trực và không biết việc Nguyễn Trung H1, Nguyễn Thị Kim L2 không kiểm tra số hành lý bị bắt giữ.

- Kết quả thực nghiệm điều tra (ngày 03/11/2020, có bản ảnh kèm theo BL: 140-158): Khi tổ chức cho Hoàng H4, Bảo U cùng hai chuyên gia của Cục H8 quan sát lại hình ảnh soi chiếu đối với 12 kiện hàng hóa vi phạm, đều xác nhận chung: Kết quả quan sát qua màn hình chụp soi (tại hạm hành lý số 3) đủ cơ sở xác nhận nghi vấn hàng hóa trong 12 kiện hành lý là hàng điện tử, cần dán băng keo chuyên dụng, đánh dấu, buộc chủ hàng hóa phải kê khai, soi chiếu nổi có sự giám sát của cán bộ Hải quan trước khi vận chuyển vào lãnh thổ Việt Nam. Quá trình thực nghiệm, xác định điều kiện buồng làm việc tại hạm máy soi số 3 đối với 02 người là không đảm bảo về mặt sức khỏe để thực hiện công việc trong ca trực liên tục, kéo dài do diện tích buồng chật (khoảng 2m², trần thấp, không đảm bảo không khí lưu thông). Ánh sáng trong buồng không đảm bảo điều tiết tốt về mắt trong điều kiện quan sát màn hình liên tục. Việc Hoàng H4, Bảo U sau khi thực hiện ca trực dài từ 15 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút, cùng ngày 16/02/2020, hơn 08 tiếng, dẫn đến việc mệt mỏi là có cơ sở.

Khi tổ chức cho T1, P1 thực hiện lại việc xin Lê Mạnh C2 cho phép vào khu vực hạn chế để hỗ trợ L lấy hành lý, theo 03 tình huống, tương ứng với lời khai của Nguyễn Trung H1, C2, T1 và P1. Kết quả xác nhận, lời khai của Lê Mạnh C2 phù hợp với diễn biến khách quan về mặt thời gian, vị trí làm việc, quan sát của các cá nhân H1, T1 và P1. Có cơ sở để xác nhận Nguyễn Trung H1 là người đã bảo lãnh

để C2 tin và đồng ý giải quyết cho T1, P1 vào khu vực hạn chế để giúp L nhận hành lý, không phải thực hiện theo quy định của Cảng vụ hàng không và đi qua cửa kiểm soát (cửa từ). Lời khai của Nguyễn Trung H1, T1, P1 là không phù hợp với diễn biến khách quan theo tình huống thực nghiệm.

Kết quả thực nghiệm đối với việc T1, P1 và L thực hiện lại hành vi sai phạm là vận chuyển 12 kiện hàng hoá, trên 03 xe đẩy hành lý, qua lối đi bên hông máy soi số 5, không khai báo, phù hợp với diễn biến khách quan, lời khai của các bị can, cá nhân liên quan và dữ liệu camera thu thập.

Bản Cáo trạng số 182/CT-VKS-P3, ngày 30/3/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố: các bị cáo Bùi Hữu L, Huỳnh Thị Bích T1, Phan Tấn P1 về tội “Buôn lậu” theo khoản 4 Điều 188 và các bị cáo Nguyễn Trung H1, Nguyễn Thị Kim L2 về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo điểm c khoản 3 Điều 360 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tại công văn số 282/VKS-P3 ngày 03/10/2022 Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thay đổi việc truy tố các bị can Nguyễn Trung H1, Nguyễn Thị Kim L2 về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 360 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Phản tranh tụng tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi xem xét đầy đủ chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả xét hỏi tại phiên tòa, đã giữ nguyên quan điểm truy tố về hành vi và tội danh như Bản Cáo trạng số 182/CT-VKS-P3, ngày 30/3/2021 và công văn số 282/VKS-P3 ngày 03/10/2022 Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi phân tích tính chất, mức độ phạm tội cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 188; điểm h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Bùi Hữu L 1.500.000.000 đồng về tội “Buôn lậu”.

+ Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 188; điểm h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 17 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Phan Tấn P1 từ 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm tù về tội “Buôn lậu”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt 17/02/2020.

+ Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 188; điểm n, h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 17 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Bích T1 500.000.000 đồng về tội “Buôn lậu”.

+ Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 360; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung H1 01 năm đến 2 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

+ Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 360; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim L2 từ H1 01 năm đến 2 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Luật sư Trần Thị Hồng V bào chữa cho bị cáo L, T1, P1 tham gia tranh luận:

Luật sư không tranh luận về mặt tội danh nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại giá trị hàng hóa của vụ án để làm căn cứ kết tội và định khung hình phạt đối với các bị cáo. Trong đó, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự cấp thành phố xác định có 82 máy tính xách tay không xác định được giá trị hàng hóa nhưng Hội đồng định giá dựa vào giá của 03 công ty định giá và cộng lại rồi chia đều ra là chưa phù hợp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giá trị để chuyển khung hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra, các bị cáo L, T1, P1 có nhiều tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo T1 phạm tội khi mang thai; các bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; bị cáo P1 có hoàn cảnh khó khăn, cha già không ai chăm sóc; bị cáo T1 hiện đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi; bị cáo L thiếu hiểu biết pháp luật Việt Nam; các bị cáo L, Phát hiện đã bị tạm giam một thời gian khá dài, thời gian đó cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị mức án của Hội đồng xét xử, đề nghị áp dụng mức hình phạt tù bằng thời gian tạm giam đối với bị cáo P1.

Luật sư Nguyễn Minh C3 bào chữa cho bị cáo Phan Tấn P1 tham gia tranh luận: Đồng ý với tội danh và điều khoản như Cáo trạng của Viện Kiểm sát truy tố. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại vai trò của bị cáo P1, phạm tội đồng phạm giúp sức rất hạn chế, không có động cơ vụ lợi. Bị cáo phạm tội lần đầu; đã ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo; gia đình có hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo mức hình phạt tù bằng với thời gian bị cáo đã bị tạm giam.

Luật sư Nguyễn Văn Q và Lê Thị Bích H3 bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Kim L2 tranh luận: Luật sư thống nhất về tội danh như Cáo trạng đã truy tố. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét một số tình tiết giảm nhẹ và một số tình tiết khác để cân nhắc áp dụng hình phạt nhẹ nhất đối với bị cáo L2: bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan điều tra; đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải; phạm tội với lỗi vô ý không có động cơ vụ lợi; thiệt hại của vụ án chỉ mới về mặt sổ sách, số lượng hàng hóa vi phạm chưa đưa ra thị trường tiêu thụ; trong quá trình công tác bị cáo có thành tích xuất sắc có bằng khen của đơn vị công tác. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại giá trị hậu quả do hành vi của bị cáo L2 gây ra, vì tại thời điểm bị cáo P1 vận chuyển 04 kiện hàng đi qua thì L2 không có mặt tại khu vực soi

chiếu, L2 đã xin P1 để đi vệ sinh. Hơn nữa, theo quy định thì hàm số 3 phải chịu trách nhiệm đầu tiên, chứ không phải hàm số 5 vị trí của bị cáo L2 ngồi soi chiếu nhưng hàm số 3 lại không kiểm tra, rời bỏ vị trí. Tuy nhiên các công chức hàm số 3 không bị truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng truy tố các bị cáo L2, H1 là không công bằng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 59 Bộ luật Hình sự miễn hình phạt cho bị cáo L2.

Các Bị cáo không tranh luận bổ sung, Luật sư và Kiểm sát viên bảo lưu ý kiến của mình đã trình bày trước phiên tòa, không tranh luận bổ sung. Lời nói sau cùng của các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo hoặc áp dụng hình phạt nhẹ nhất cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, các bị cáo đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Trên cơ sở đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thu thập một cách khách quan, phù hợp với quy định của pháp luật và diễn biến tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với nội dung biên bản bắt người phạm tội quả tang, bản kết luận định giá, vật chứng cùng các tài liệu khác đã có đủ cơ sở kết luận:

Vào lúc 01 giờ 45 phút ngày 17/02/2020 tổ công tác của Phòng C, Công an Thành phố H phát hiện Huỳnh Thị Bích T1, Phan Tấn P1 đang có hành vi vận chuyển trái phép 08 kiện hàng ra khỏi khu vực kiểm soát Hải quan không khai báo, không qua máy soi chiếu hải quan và đang chuẩn bị đưa hàng hóa lên xe taxi. Cùng thời điểm, tổ công tác Phòng Cảnh sát kinh tế Công an Thành phố H còn phát hiện Bùi Hữu L cũng đang vận chuyển 04 kiện hàng đi phía sau. Qua kiểm tra 12 kiện hàng hóa là 207 máy tính xách tay và 03 điện thoại di động đã qua sử dụng, thuộc danh mục hàng cấm nhập khẩu) được Bùi Hữu L đưa từ Mỹ về Việt Nam để bán lại cho các khách hàng đã đặt mua tại Việt Nam nhằm thu lợi. Kết luận định giá tài sản số 7900/KL-HĐ ĐGTS ngày 10/12/2020 và Kết luận định giá tài sản số 394/KL-HĐ ĐGTS ngày 21/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự cấp thành phố xác định 12 kiện hàng nêu trên có giá trị 3.214.733.333 đồng.

Ngoài ra, khi Bùi Hữu L và đồng phạm đưa hàng hóa vào khu vực Hải quan, tại Cửa khẩu Cảng hàng không T4 để vào lãnh thổ Việt Nam thì các công chức hải quan là Nguyễn Trung H1 và Nguyễn Thị Kim L2 (cán bộ Hải quan trực tại máy soi hành lý số 5) đã thực hiện không đầy đủ việc soi chiếu, không tiến hành kiểm tra, kiểm soát Hải quan đối với hành lý nhập cảnh, không thực hiện nhiệm vụ theo Quyết định số 3280/QĐ-TCHQ ngày 30/9/2016 của T6 về việc ban hành quy trình thủ tục hải quan đối với hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh, hàng hóa do người xuất cảnh, nhập cảnh mang trong hành lý, dẫn đến hậu quả các bị cáo L, T1, P1 hàng hóa cấm nhập khẩu qua khu vực hải quan để vào lãnh thổ Việt Nam. Tại công văn số 6126/HĐĐGTS-QLG ngày 09/9/2022 (giải thích kèm theo Kết luận định giá tài sản số 7900/KL-HĐ ĐGTS ngày 10/12/2020 và Kết luận định giá tài sản số 394/KL-HĐ ĐGTS ngày 21/01/2021), Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự cấp thành phố xác định số tiền thuế GTGT của lô hàng vi phạm là 321.473.300 đồng. Theo quy định tại Điều 101 Bộ luật tố tụng hình sự thì Kết luận định giá tài sản là văn bản do Hội đồng định giá tài sản lập để kết luận về giá của tài sản được yêu cầu và là một trong những căn cứ để giải quyết vụ án, Hội đồng định giá tài sản kết luận giá của tài sản và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết luận đó.

Như vậy, với các hành vi nêu trên có đủ căn cứ để kết luận: Bùi Hữu L, Phan Tấn P1, Huỳnh Thị Bích T1 đã phạm vào tội “Buôn lậu”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 188 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; các bị cáo Nguyễn Trung H1 và Nguyễn Thị Kim L2 đã phạm vào tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 360 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017 như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo Bùi Hữu L, Phan Tấn P1 và Huỳnh Thị Bích T1 đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, vi phạm các quy định của pháp luật về buôn bán hàng hóa qua biên giới, gây hậu quả nghiêm trọng. Hành vi của các bị cáo Nguyễn Trung H1 và Nguyễn Thị Kim L2 đã xâm phạm đến hoạt động quản lý của nhà nước nói chung và chức năng, nhiệm vụ của Hải quan nói riêng dẫn đến hậu quả các bị cáo L, T1, P1 đưa hàng cấm nhập khẩu qua khu vực hải quan để vào lãnh thổ Việt Nam, gây hậu quả nghiêm trọng. Do đó, cần phải xử lý nghiêm đối với các bị cáo nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét đánh giá hành vi, hậu quả cũng như vai trò tham gia trong vụ án, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để phân hóa tội phạm, cụ thể:

[4.1]. Đối với bị cáo **Bùi Hữu L**: phạm tội với vai trò chính trong vụ án, bị cáo phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ lô hàng phạm pháp được đưa vào lãnh

thổ Việt Nam, giá trị 3.214.733.333 đồng. Do đó, cần áp dụng điểm a khoản 4 Điều 188 Bộ luật Hình sự để quyết định mức hình phạt đủ nghiêm đối với bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; trong quá trình điều tra đã chủ động khai báo toàn bộ hành vi phạm tội; toàn bộ lô hàng đã bị phát hiện thu giữ, chưa đưa ra lưu thông ngoài thị trường. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 cần áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Xét thấy trong vụ án này, bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 17/02/2020 cho đến nay là 03 năm 05 tháng 08 ngày, thời hạn tạm giam đó cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo. Tại phiên tòa vợ bị cáo là bị cáo T1 có trình bày nội dung thông tin tài khoản tiết kiệm tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại cổ phần K và bị cáo xin được áp dụng hình phạt tiền để thi hành sung vào Ngân sách nhà nước theo quy định. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, toàn bộ số lượng hàng hóa phạm pháp đã bị phát hiện thu giữ, chưa được đưa ra tiêu thụ ngoài thị trường, có khả năng tài chính để thi hành hình phạt tiền nên khi lượng hình Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, cần nhắc áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo. Như vậy, cũng tương xứng với tính chất, mức độ và hậu phạm tội của bị cáo, phù hợp với khả năng tài chính như bị cáo trình bày tại phiên tòa và phù hợp với lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Đồng thời, áp dụng khoản 3 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự, trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Bùi Hữu L nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác do bị cáo bị xử phạt bằng hình phạt không phải là hình phạt tù.

[4.2]. Đối với bị cáo **Phan Tấn P1**: bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức, kết quả điều tra xác định bị cáo giúp L đưa 04 kiện hàng (từ số 1 đến số 4) qua cửa khẩu hải quan sân bay quốc tế T4 vào lãnh thổ Việt Nam để tiêu thụ, trị giá hàng hóa bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự là: 1.258.200.000 đồng. Do đó, cần áp dụng điểm a khoản 4 Điều 188 Bộ luật Hình sự để quyết định mức hình phạt đủ nghiêm đối với bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; trong quá trình điều tra đã chủ động khai báo toàn bộ hành vi phạm tội; phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức, toàn bộ số lượng hàng hóa phạm pháp đã bị phát hiện thu giữ, chưa được đưa ra tiêu thụ ngoài thị trường. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 cần áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Xét thấy trong vụ án này, bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 17/02/2020 cho đến nay là 03 năm 05 tháng 08 ngày, thời hạn tạm giam đó cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng thêm Điều 54; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự, cần nhắc áp dụng hình phạt tù có thời hạn bằng với thời gian bị cáo bị tạm giam. Như vậy cũng tương xứng với tính chất, mức độ và hậu phạm tội do bị cáo gây ra. Đồng thời, áp dụng Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự, trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo P1 nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

[4.3]. Đối với bị cáo **Huỳnh Thị Bích T1**: bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức, kết quả điều tra xác định bị cáo giúp L đưa 04 kiện hàng (từ số 1 đến số 4) qua cửa khẩu hải quan sân bay quốc tế T4 vào lãnh thổ Việt Nam để tiêu thụ, trị giá hàng hóa bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự là: 949.433.333 đồng. Do đó, cần áp dụng điểm a khoản 3 Điều 188 Bộ luật Hình sự để quyết định mức hình phạt đủ nghiêm đối với bị cáo. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; trong quá trình điều tra đã chủ động khai báo toàn bộ hành vi phạm tội; phạm tội khi mang thai, hiện đang nuôi con nhỏ; phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức, toàn bộ số lượng hàng hóa phạm pháp đã bị phát hiện thu giữ, chưa được đưa ra tiêu thụ ngoài thị trường. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại h, n, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 cần áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Tại phiên tòa bị cáo T1 có trình bày nội dung thông tin tài khoản tiết kiệm tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại cổ phần K và xin được áp dụng hình phạt tiền để thi hành sung vào Ngân sách nhà nước theo quy định. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, vai trò đồng phạm như đã phân tích nên khi lượng hình Hội đồng xét xử vận dụng khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để cân nhắc áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo. Như vậy, cũng tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả phạm tội do bị cáo gây ra và phù hợp với lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[4.4; 4.5]. Đối với các bị cáo **Nguyễn Trung H1** và **Nguyễn Thị Kim L2**: là cán bộ Hải quan trực tại máy soi hành lý số 5 của cửa khẩu Sân bay T4, các bị cáo đã thực hiện không đầy đủ việc soi chiếu, không tiến hành kiểm tra, kiểm soát Hải quan đối với hành lý nhập cảnh, không thực hiện nhiệm vụ theo Quyết định số 3280/QĐ-TCHQ ngày 30/9/2016 của T6 về việc ban hành quy trình thủ tục hải quan đối với hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh, hàng hóa do người xuất cảnh, nhập cảnh mang trong hành lý, dẫn đến hậu quả các bị cáo L, T1, P1 đưa hàng hóa cấm nhập khẩu qua khu vực hải quan để vào lãnh thổ Việt Nam. Tại công văn số 6126/HĐĐGTS-QLG ngày 09/9/2022 (giải thích kèm theo Kết luận định giá tài sản số 7900/KL-HĐ ĐGTS ngày 10/12/2020 và Kết luận định giá tài sản số 394/KL-HĐ ĐGTS ngày 21/01/2021), Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự cấp thành phố xác định số tiền thuế GTGT của lô hàng vi phạm là 321.473.300 đồng. Với hành vi đó, khi lượng hình cần áp dụng điểm d khoản 1 Điều 360 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để quyết định hình phạt phù hợp, nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; trong quá trình điều tra đã chủ động khai báo toàn bộ hành vi phạm tội; toàn bộ số lượng hàng hóa phạm pháp đã bị phát hiện thu giữ, chưa được đưa ra tiêu thụ ngoài thị trường; quá trình công tác có thành tích xuất sắc được tặng giấy khen, bằng khen của đơn vị công tác. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại h, s, v khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 cần áp dụng để giảm

nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Xét thấy các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã phân tích. Căn cứ theo quy định tại Điều 2 và Điều 3 của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Điều 1 của Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, thì bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo và không thuộc trường hợp không cho hưởng án treo. Do đó, khi lượng hình, Hội đồng xét xử áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, cho các bị cáo được hưởng án treo, như vậy cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội. Việc cho bị cáo hưởng án treo cũng phù hợp lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa.

[5]. Đối với số tiền 321.473.300 đồng là tiền thuế GTGT trên số lượng hàng hóa vi phạm (theo công văn số 6126/HĐĐTGS-QLG ngày 09/9/2022 (giải thích kèm theo Kết luận định giá tài sản số 7900/KL-HĐĐTGS ngày 10/12/2020 và Kết luận định giá tài sản số 394/KL-HĐĐTGS ngày 21/01/2021), Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự cấp thành phố xác định). Do số hàng hóa đã bị thu giữ, chưa được lưu thông trên thị trường nên Hội đồng xét xử không buộc các bị cáo phải liên đới nộp lại số tiền thuế theo quy định.

[7] Về hình phạt bổ sung: Do số hàng hóa vi phạm bị phát hiện chưa bán ra thị trường nên chưa thu được lợi nhuận, một số bị cáo đã bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Trên đây là lập luận của Hội đồng xét xử đối với quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát, cũng như lời bào chữa của các luật sư cho các bị cáo.

[9]. Đối với các cá nhân có liên quan như Nguyễn Hữu C1, Nguyễn Hoàng H4, Phạm Lê Bảo U, Nguyễn Thanh H2, Lê Mạnh C2. Quá trình thụ lý xét xử, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung, làm rõ trách nhiệm, vi phạm của các cá nhân này để xử lý theo quy định. Tuy nhiên, kết quả điều tra chưa đủ cơ sở xác định các cá nhân này có liên quan đến vụ án hoặc chưa đến mức phải xử lý trách nhiệm hình sự nên Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát không xử lý đối với các cá nhân này.

[10] Về xử lý vật chứng:

- 12 thùng nhựa, được đánh số thứ tự từ 01 đến 12, chứa 207 máy tính và 03 điện thoại di động các loại đã qua sử dụng có chữ ký niêm phong như sau: từ thùng số 01 đến 4 có chữ ký niêm phong của Bùi Hữu L và Phan Tấn P1; từ thùng 5 đến 8 có chữ ký niêm phong của Bùi Hữu L và Huỳnh Thị Bích T1; từ thùng số 9 đến 12 có chữ ký niêm phong của Bùi Hữu L, đồng thời 12 thùng nêu trên có chữ ký ĐTV Võ Vũ H6, dấu mộc của cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H (niêm phong còn nguyên vẹn, không kiểm tra số lượng, chủng loại, tình trạng máy

móc). Đây là vật chứng vụ án, còn giá trị sử dụng nên tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước theo quy định.

[11] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1/ Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 188 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm h, s, khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt: bị cáo Bùi Hữu L: 1.500.000.000 (Một tỉ năm trăm triệu) đồng về tội “Buôn lậu”, để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Căn cứ khoản 3 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Xét bị cáo bị xử phạt bằng hình phạt không phải là hình phạt tù nên trả tự do cho bị cáo Bùi Hữu L ngay tại phiên tòa, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

2/ Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 188 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: bị cáo Phan Tấn P1: 03 (Ba) năm 05 (Năm) tháng 08 (T3) ngày tù về tội “Buôn lậu”. Thời hạn tù tính từ ngày 17/02/2020.

Căn cứ khoản 5 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Xét thời hạn phạt tù bằng thời gian bị cáo bị tạm giam nên trả tự do cho bị cáo Phan Tấn P1 ngay tại phiên tòa, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

3/ Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 188 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm s, n, h khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: bị cáo Huỳnh Thị Bích T1: 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng về tội “Buôn lậu” để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

4/ Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 360 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm s, h, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Trung H1: 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”. Thời gian thử thách là 02 (Hai) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

5/ Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 360 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm s, h, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thị Kim L2: 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”. Thời gian thử thách là 02 (Hai) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường A, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú sẽ được thực hiện theo Điều 92 luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- Cục THA DS; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Bị cáo; (5)
- T30; (2)
- Người có QL&NVLQ; (3)
- Người bào chữa; (4)
- THA HS; (5)
- Phòng PV06 - CA TP. HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (5)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (36) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hà.

Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước đối với : 12 thùng nhựa, được đánh số thứ tự từ 01 đến 12, chứa 207 máy tính và 03 điện thoại di động các loại đã qua sử dụng có chữ ký niêm phong như sau: từ thùng số 01 đến 4 có chữ ký niêm phong của Bùi Hữu L và Phan Tấn P1; từ thùng 5 đến 8 có chữ ký niêm phong của Bùi Hữu L và Huỳnh Thị Bích T1; từ thùng số 9 đến 12 có chữ ký niêm phong của Bùi Hữu L, đồng thời 12 thùng nêu trên có chữ ký ĐTV Võ Vũ H6, dấu mộc của cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H (niêm phong còn nguyên vẹn, không kiểm tra số lượng, chủng loại, tình trạng máy móc) (Theo Biên bản giao nhận tang tài vật số NK 2021/287 ngày 18 tháng 5 năm 2021 tại Cục Thi hành án Dân sự Thành phố hồ Chí Minh).

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Buộc: Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

(Đã giải thích chế định án treo đối với các bị cáo được hưởng án treo).